

**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

Báo cáo Tài chính Hợp nhất
Quý 2.2020



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399

ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần. Lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 cấp ngày 01 tháng 8 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Giấy Chứng Nhận Đăng
Ký Đầu Tư số**

2357762445

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Chu Việt Cường	Thành viên
Lưu Đức Khánh	Thành viên
Đinh Việt Phương	Thành viên
Donal Joseph Boylan	Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
Đinh Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Phạm Văn Đầu
Đoàn Thu Hương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

302/3 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất quý được trình bày từ trang 4 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2020. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc
Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		24.808.144.357.949	24.458.549.292.502
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.413.573.361.917	5.364.049.804.580
Tiền	111		1.774.194.724.537	3.823.871.167.200
Các khoản tương đương tiền	112		639.378.637.380	1.540.178.637.380
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12(a)	994.000.000.000	1.144.756.800.000
Chứng khoán kinh doanh	121		990.000.000.000	990.000.000.000
Dự phòng giảm giá	122		-	(555.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	709.756.800.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.339.426.388.480	16.755.814.490.657
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10.602.442.503.683	7.614.990.981.534
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	160.797.188.556	187.271.445.833
Nợ phải thu	135		500.987.280.000	499.482.168.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	9.075.199.416.241	8.454.069.895.290
Hàng tồn kho	140	8	760.919.281.922	747.898.679.837
Tài sản ngắn hạn khác	150		300.225.325.630	446.029.517.428
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	237.218.039.369	382.337.666.788
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	14.635.362.929	533.971.429
Thuế phải thu Nhà Nước	153	15(b)	48.371.923.332	63.157.879.211

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2020(tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		23.584.364.727.989	24.400.204.516.009
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.784.259.222.748	14.969.725.059.773
Phải thu về cho vay dài hạn	212		-	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	14.784.259.222.748	14.268.225.059.773
Tài sản cố định	220		740.426.680.388	1.304.424.116.769
Tài sản cố định hữu hình	221	9	738.851.687.034	1.302.137.079.158
<i>Nguyên giá</i>	222		967.508.776.529	1.688.544.748.056
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(228.657.089.495)	(386.407.668.898)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.574.993.354	2.287.037.611
<i>Nguyên giá</i>	228		30.818.110.655	30.818.110.655
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29.243.117.301)	(28.531.073.044)
Tài sản dở dang dài hạn	240		738.283.912.782	1.318.401.443.379
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	738.283.912.782	1.318.401.443.379
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12(b)	215.973.206.218	215.973.206.218
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		149.417.024.400	149.417.024.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.556.181.818	6.556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		7.105.421.705.853	6.591.680.689.870
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	7.105.421.705.853	6.591.680.689.870
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		48.392.509.085.938	48.858.753.808.511

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		33.399.563.006.699	33.955.921.978.450
Nợ ngắn hạn	310		17.542.188.175.954	19.169.599.306.127
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.938.571.329.813	1.894.934.971.369
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		605.221.689.978	669.963.368.463
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	332.713.214.548	469.282.981.764
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.308.726.746.321	1.145.215.966.220
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.143.142.751.682	3.184.286.840.374
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.845.445.733.705	1.619.834.618.924
Vay ngắn hạn	320	19(a)	6.193.375.399.081	8.161.089.248.187
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	2.174.991.310.826	2.024.991.310.826
Nợ dài hạn	330		15.857.374.830.745	14.786.322.672.323
Phải trả dài hạn khác	337		72.186.202.744	70.758.354.580
Vay dài hạn	338	19(b)	3.637.383.899.899	3.661.872.522.217
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	375.478.826.842	394.444.939.970
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	11.772.325.901.260	10.659.246.855.556
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.992.946.079.239	14.902.831.830.061
Vốn chủ sở hữu	410	22	14.992.946.079.239	14.902.831.830.061
Vốn cổ phần	411		5.416.113.340.000	5.416.113.340.000
Thặng dư vốn	412		245.949.492.805	245.949.492.805
Cổ phiếu quỹ	415		(2.347.121.362.620)	(2.347.121.362.620)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		81.279.095.859	64.819.738.693
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.593.808.675.030	11.520.659.436.312
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.916.838.165	2.411.184.871
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		48.392.509.085.938	48.858.753.808.511

Ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập

Hoàng Mạnh Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó tổng giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	4.969.817.152.005	12.664.237.887.158	12.200.047.526.776	24.556.450.782.769
Giá vốn hàng bán	11	26	5.078.742.328.404	11.458.529.372.854	13.149.997.866.109	21.187.023.155.505
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(108.925.176.399)	1.205.708.514.304	(949.950.339.333)	3.369.427.627.26
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.174.224.607.692	142.107.696.580	1.722.683.443.890	215.456.829.009
Chi phí tài chính	22	28	143.974.247.477	262.037.960.445	457.837.102.786	589.206.959.495
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>110.489.580.615</i>	<i>82.193.565.771</i>	<i>232.229.994.878</i>	<i>140.571.532.313</i>
Phần lỗ trong một công ty liên kết	24		(39.911.390.840)	(30.074.056.451)	(65.311.575.000)	(46.761.120.311)
Chi phí bán hàng	25	29	170.366.195.632	282.309.517.955	397.215.916.425	493.313.423.771
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	85.461.267.194	42.192.194.204	197.812.372.142	182.159.328.570
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		625.586.330.150	731.202.481.829	(345.443.861.796)	2.273.443.624.126
Thu nhập khác	31		413.500.148.754	18.969.366.832	423.042.362.260	19.915.824.861
Chi phí khác	32		262.126.195	71.897.065	4.541.405.255	112.857.552
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		413.238.022.559	18.897.469.767	418.500.957.005	19.802.967.309
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.038.824.352.709	750.099.951.596	73.057.095.209	2.293.246.591.435
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	18.368.316.325	86.065.356.799	18.368.316.325	302.062.702.484
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(42.643.892.210)	42.569.295.112	(18.966.113.128)	10.011.605.396
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.063.099.928.594	621.465.299.685	73.654.892.012	1.981.172.283.555

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.063.099.928.594	621.465.299.685	73.654.892.012	1.981.172.283.555
Phân bổ:						
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.062.540.101.024	621.819.952.497	73.149.238.718	1.981.835.358.020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		559.827.570	(354.652.812)	505.653.294	(663.074.465)
Lãi trên cổ phiếu	70	32	1.962	1.148	135	3.659
Lãi cơ bản trên cổ phiếu						

Ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập



Hoàng Mạnh Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt



Hồ Ngọc Yến Phương
Phó tổng giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.038.824.352.709	750.099.951.596	73.057.095.209	2.293.246.591.435
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		72.198.601.426	39.342.084.971	95.189.458.137	78.797.900.658
Dự phòng	03		(690.000.000.000)	97.000.000.000	(555.000.000.000)	237.500.000.000
Giá trị thời gian của tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03		-	40.220.144.629	-	207.275.098.908
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(183.084.872.435)	(71.870.976.485)	(100.795.649.426)	3.621.059.499
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.348.554.797)	(123.621.590.300)	(25.664.016.010)	(190.501.239.929)
Phần lỗ trong một công ty liên kết	05		39.911.390.840	30.074.056.451	65.311.575.000	46.761.120.311
Cổ tức được chia	05		-	(2.832.636.000)	-	(2.832.636.000)
Chi phí lãi vay	06		110.489.580.615	82.193.565.771	232.229.994.878	140.571.532.313
Lãi từ thanh lý các công ty con	05		-	-	-	-
Xóa sổ tài sản cố định	05		-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		377.990.498.358	840.604.600.633	(215.671.542.212)	2.814.439.427.195
Biến động các khoản phải thu	09		(605.519.140.816)	(3.219.305.502.089)	(2.740.355.203.281)	(3.555.376.342.752)
Biến động hàng tồn kho	10		(74.289.396.118)	(175.688.524.759)	(13.020.602.085)	(164.027.574.467)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		929.541.642.923	2.047.635.325.118	1.663.110.705.363	(258.945.297.928)
Biến động chi phí trả trước	12		(567.920.112.000)	(477.544.106.106)	(368.621.388.564)	570.815.877.257
			59.803.492.347	(984.298.207.203)	(1.675.863.317.625)	(593.093.910.695)
Tiền lãi vay đã trả	14		(111.240.950.093)	(92.752.074.917)	(204.867.552.733)	(137.236.545.016)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.167.993.429)	(85.000.000.000)	(190.591.276.743)	(191.072.596.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(62.605.451.175)	(1.162.050.282.120)	(2.071.322.147.101)	(921.403.052.362)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(62.531.984.475)	(548.527.979.903)	(99.694.425.331)	(267.423.499.897)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21	356.983.893.602	1.242.167.661.706	356.983.893.602	(2.694.957.373.965)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(4.000.000.000)	(150.428.851.556)	(4.000.000.000)	-
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	-	-	709.756.800.000	(356.000.000.000)
Tiền thu từ bán trái phiếu doanh nghiệp	24	-	-	-	-
Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
Tiền thu từ đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27	32.962.687.042	131.532.852.053	21.292.632.243	112.855.556.373
Tiền thu cổ tức	27	-	2.832.636.000	-	2.832.636.000
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	323.414.596.169	677.576.318.300	984.338.900.514	(3.202.692.681.489)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	-	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	(2.115.970.653.407)	8.104.644.016.579	4.645.364.575.255	14.480.981.264.502
Tiền thu từ đi vay dài hạn	33	-	-	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	1.641.301.102.660	(7.265.630.586.430)	(6.647.135.271.477)	(12.169.711.810.451)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(541.611.333.999)	-	(543.108.881.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(474.669.550.747)	297.402.096.150	(2.001.770.696.222)	1.768.160.572.551
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(213.860.405.753)	(187.071.867.670)	(3.088.753.942.809)	(2.355.935.161.300)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.459.284.982.899	5.098.305.305.035	5.364.049.804.580	7.164.923.007.451
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(15.726.433.018)	(29.746.452.460)	123.323.254.980	55.114.958.984
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	183.875.217.789	33.546.499.312	14.954.245.166	50.930.679.082
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.413.573.361.917	4.915.033.484.217	2.413.573.361.917	4.915.033.484.217

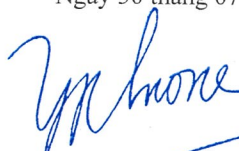
Ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập



Hoàng Mạnh Hà
Kế toán trưởng

Người được ủy quyền



Hồ Ngọc Yến Phương
Phó tổng giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính

Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, Theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, với mã giao dịch là VJC.

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán máy bay.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tập đoàn có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/06/2020	1/1/2020
<i>Các công ty con</i>				
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	Mua bán và cho thuê tàu bay	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	Mua bán và cho thuê tàu bay	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Mua bán và cho thuê tàu bay	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Mua bán và cho thuê tàu bay	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
Skymate Limited (*)	Mua bán và cho thuê tàu bay	Số 327015 ngày 15 tháng 9 năm 2017	100%	100%
<i>Công ty liên kết</i>				
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyển giao hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến đi du lịch và các dịch vụ liên quan khác	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (**)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	-

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này.

(**) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tập đoàn có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/12/2019	1/1/2019
<i>Các công ty con</i>				
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	Mua bán máy bay	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	Mua bán máy bay	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Mua bán máy bay	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Mua bán máy bay	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
Skymate Limited (*)	Mua bán máy bay	Số 327015 ngày 15 tháng 9 năm 2017	100%	100%
<i>Công ty liên kết</i>				
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyển giao hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến đi du lịch và các dịch vụ liên quan khác	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (**)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	-

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này.

(**) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tập đoàn có 5.456 nhân viên (1/1/2020: 5.092 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quý.

Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất quý. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Công cụ tài chính kinh doanh là các loại công cụ tài chính được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hợp đồng hợp tác kinh doanh và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng được ghi nhận như là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp cho quỹ bảo dưỡng được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn APU (thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất nếu có được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy bay và các bộ phận	10 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- phương tiện vận chuyên 6 năm

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và chi phí mua máy bay chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của chúng nhưng không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động tàu bay giữa công ty và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Công ty có nghĩa vụ phải bảo dưỡng tàu bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng tàu bay, được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất tàu bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Công ty trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bằng quỹ bảo dưỡng tàu bay. Chi phí dự phòng trong phạm vi quỹ bảo dưỡng, trừ phục hồi hiệu suất động cơ và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ, được thực hiện bằng cách chiết khấu các khoản phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội tàu bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho kỳ bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế đến lần bảo dưỡng tiếp theo. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu, giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chi phí bảo dưỡng ước tính cho phục hồi hiệu suất động cơ và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian ước tính giữa các lần bảo dưỡng theo tỷ lệ chi phí trên thời gian bay hoặc chu kỳ bay thực tế và ước tính thời gian bay và chu kỳ bay giữa các lần bảo dưỡng.

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và việc hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê. Ảnh

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

hường của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận như là khoản chi phí tài chính.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hành khách

Doanh thu từ vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu vận chuyển hành khách theo chuyến

Doanh thu vận chuyển hành khách theo chuyến được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hoạt động phụ trợ

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và bán hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo, doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong bán hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí cho sự thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hàng không và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm khi tính cho hành khách. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iv) Doanh thu vận chuyển hành khách theo chuyến

Doanh thu vận chuyển hành khách theo chuyến được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê tàu bay

Doanh thu cho thuê tàu bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tàu bay, quyền thương mại tàu bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tàu bay, các quyền liên quan tàu bay bị trả lại.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch chuyển quyền sở hữu và thuê lại tàu bay

Tập đoàn có các giao dịch chuyển quyền sở hữu và thuê lại tàu bay là giao dịch mà trong đó tàu bay được tập đoàn chuyển quyền sở hữu và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch chuyển quyền sở hữu và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch chuyển quyền sở hữu và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu giá giao dịch được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh.
- Nếu giá giao dịch thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được nhận ngay trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng;
- Nếu giá chuyển giao quyền sở hữu cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh.

(vi) Doanh thu chuyển quyền thương mại tàu bay

Doanh thu chuyển quyền thương mại tàu bay không hoàn lại được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng quyền thương mại tàu bay bị trả lại.

(vii) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ, chuyển quyền thương mại được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(viii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ix) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được báo cáo thống nhất với các báo cáo nội bộ cung cấp cho người ra quyết định chính của Tập đoàn. Người ra quyết định chính của Tập đoàn chịu trách nhiệm phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động của các bộ phận kinh doanh được xác định là Ban Giám đốc. Ban Giám đốc được lãnh đạo bởi Giám đốc Điều hành và Tổng Giám đốc và được phân theo các bộ phận chức năng. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với các hoạt động hàng ngày của Tập đoàn và chịu trách nhiệm chức năng quản trị.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có hai bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyên hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê máy bay và quảng cáo trên máy bay; và
- Mua bán máy bay.

Trừ các hoạt động nêu trên không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành các bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không thể phân bổ.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên báo cáo đã được kiểm toán và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Tập đoàn phân tích theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Trong Việt Nam	1.360.869.335.269	4.732.182.494.522
Ngoài Việt Nam	3.608.947.816.736	7.932.055.392.636
	4.969.817.152.005	12.664.237.887.158

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	16.980.592.109	13.463.976.090
Tiền gửi ngân hàng	1.757.214.132.428	3.810.407.191.110
Các khoản tương đương tiền	639.378.637.380	1.540.178.637.380
	<u>2.413.573.361.917</u>	<u>5.364.049.804.580</u>

6. Trả trước cho người bán

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trả trước tiền thuê tàu bay	10.004.424.848	185.366.858.930
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	12.048.305.580	1.904.586.903
Khác	138.744.458.128	-
	<u>160.797.188.556</u>	<u>187.271.445.833</u>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đặt cọc mua máy bay	2.748.313.241.406	3.105.297.136.367
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	2.243.881.774.817	2.078.881.774.817
Chi trả hộ bên liên quan công ty Thái VZ	1.323.618.712.749	1,375,933,873,965
Khoản giảm giá mua hàng phải thu	453.187.918.728	482.424.813.352
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	166.648.643.395	282.879.455.806
Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu	27.620.906.218	155,405,545,250
Các khoản đặt cọc khác	146.442.331.233	125.182.456.527
Phải thu các bên liên quan khác	1.770.158.961.774	473.511.995.080
Phải thu khác	195.326.925.921	374.552.844.126
	9.075.199.416.241	8.454.069.895.290

b. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Quỹ bảo dưỡng cho máy bay thuê	6.588.691.425.372	6.219.507.324.321
Đặt cọc mua máy bay	5.218.158.811.722	5.187.416.574.363
Đặt cọc thuê máy bay	1.290.578.803.400	1.222.663.033.075
Chi trả hộ công ty liên kết Thái VZ	468.344.946.987	468.344.946.987
Phải thu các bên liên quan khác	532.847.388.795	507.857.361.490
Phải thu khác	685.637.846.472	662.435.819.537
	14.784.259.222.748	14.268.225.059.773

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	30/06/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	748.239.270.162	-	747.511.353.298	-
Hàng hóa	12.680.011.760	-	387.326.539	-
	760.919.281.922 ✓	-	747.898.679.837 ✓	-

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.617.393.753.474	24.440.975.624	26.870.997.392	19.839.021.566	1.688.544.748.056
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý	(1.343.610.388.704)	-	(115.517.280)	-	(1.343.725.905.984)
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	622.689.934.457	-	-	-	622.689.934.457
Số dư cuối kỳ	896.473.299.227	24.440.975.624	26.755.480.112	19.839.021.566	967.508.776.529
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	333.494.428.740	20.999.519.620	15.891.974.168	16.021.746.370	386.407.668.898
Khấu hao trong kỳ	90.429.524.430	2.058.400.145	1.090.658.313	898.830.992	94.477.413.880
Thanh lý	(252.112.476.003)	-	(115.517.280)	-	(252.227.993.283)
Phân loại	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	171.811.477.167	23.057.919.765	16.867.115.201	16.920.577.362	228.657.089.495
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.283.899.324.734	3.441.456.004	10.979.023.224	3.817.275.196	1.302.137.079.158
Số dư cuối kỳ	724.661.822.060	1.383.055.859	9.888.364.911	2.918.444.204	738.851.687.034

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 40.938 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (1/1/2020: 25.810 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 714.307 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (1/1/2020: 734.166 triệu VND)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	30.818.110.655
Tăng trong kỳ	-
Thanh lý	-
Số dư cuối kỳ	<u>30.818.110.655</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	28.531.073.044
Khấu hao trong kỳ	712.044.257
Thanh lý	-
Số dư cuối kỳ	<u>29.243.117.301</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.287.037.611
Số dư cuối kỳ	<u>1.574.993.354</u>

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 25.856 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (1/1/2020: 23,574 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
Số dư đầu kỳ	1.318.401.443.379	1.233.005.676.006
Tăng trong kỳ	99.694.425.331	957.293.209.486
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(622.689.934.457)	(553.403.497.996)
Chuyển sang phải thu khác	(57.122.021.471)	(118.470.333.327)
Thanh lý	-	(200.023.610.790)
Số dư cuối kỳ	<u>738.283.912.782</u>	<u>1.318.401.443.379</u>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	% sở hữu/ quyền biểu quyết	VND	% sở hữu/ quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:				
- Tổng công ty Dầu Việt Nam	4.59%	990.000.000.000	4.59%	990.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư			-	(555.000.000.000)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000		709.756.800.000
		994.000.000.000		1.144.756.800.000

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2020		01/01/2020
	% sở hữu	VND	% sở hữu	VND
Đầu tư góp vốn vào:				
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (*) (**)	10%	60.000.000.000	10%	60.000.000.000
• Đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn	9.1%	149,417,024,400	9.1%	149.417.024.400
		209.417.024.400		209.417.024.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn vào				
• Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
• Tiền gửi có kì hạn		6.000.000.000		6.000.000.000
		215.973.206.218		215.973.206.218

(*) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

(**) Khoản này phản ánh khoản đầu tư vào 6.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh trong năm 2016.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước thuê máy bay	209.820.858.900	355.790.339.276
Chi phí trả trước bảo dưỡng máy bay	25.231.574.571	23.297.293.810
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.165.605.898	3.250.033.702
	237.218.039.369	382.337.666.788

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng máy bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuê VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	5.782.829.060.991	590.235.202.338	103.156.115.556	114.854.388.316	605.922.669	6.591.680.689.870
Tăng trong kỳ	767.237.781.605	39.290.713.270	39.528.744.094	28.076.131.757	42.776.991.217	916.910.361.943
Xóa số	-	-	-	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	(248.231.219.495)	(43.913.207.087)	(58.317.667.084)	(41.933.300.316)	(10.773.951.978)	(403.169.345.960)
Số dư cuối kỳ	6.301.835.623.101	585.612.708.521	84.367.192.566	100.997.219.757	32.608.961.908	7.105.421.705.853

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn:

	30/06/2020	1/1/2020
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	1.013.208.634.993	972.624.163.512
Các nhà cung cấp khác	1.925.362.694.820	922.310.807.857
	2.938.571.329.813	1.894.934.971.369

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

a. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cần trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/06/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	30.573.052.465	436.616.302.529	-	(466.730.055.973)	-	459.299.021
Thuế thu nhập cá nhân	53.851.956.775	169.853.449.395	(102.147.298.533)	-	-	121.558.107.637
Thuế nhà thầu	8.095.267.763	22.189.407.972	(8.074.393.308)	(14.785.955.879)	-	7.424.326.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.762.704.761	17.027.456.673	(190.518.680.092)	-	-	203.271.481.342
	469.282.981.764	645.686.616.569	(300.740.371.933)	(481.516.011.852)	-	332.713.214.548

b. Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cần trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/06/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	533.971.429	480.831.447.473	-	(466.730.055.973)	-	14.635.362.929
Thuế nhà thầu	63.157.879.211	-	-	(14.785.955.879)	-	48.371.923.332
	63.691.850.640	480.831.447.473	-	(481.516.011.852)	-	63.007.286.261

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí liên quan đến tàu bay	1.937.860.218.574	1.002.323.973.201
Chi phí bảo trì	119.255.354.702	16.817.771.642
Lương tháng 13	94.647.684.768	52.869.889.371
Chi phí lãi vay	32.971.452.041	37.953.919.036
Chi phí khác	123.992.036.232	35.250.412.970
	2.308.726.746.321	1.145.215.966.220

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
Doanh thu nhận trước sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.143.142.751.682	3.184.286.840.374

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
Các bên liên quan		
Phải trả cho công ty liên kết	-	314,047,624,600
Phải trả cho các cổ đông	57.787.553.550	57.789.721.550
Phải trả cho các bên liên quan khác	711.380.283.269	9.737.655.825
Các bên thứ ba		
Lệ phí sân bay phải trả	806.050.052.717	1.054.454.791.926
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	182.646.187.464	163.669.310.988
Phải trả ngắn hạn khác	87.581.656.705	20.135.514.035
	1.845.445.733.705	1.619.834.618.924

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

a. Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong kỳ		Đánh giá lại VND	30/06/2020
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND		
Vay ngắn hạn	8.093.861.628.187	4.645.161.995.255	(6.614.823.931.477)	1.745.507.116	6.125.945.199.081	
Vay dài hạn đến hạn trả	67.227.620.000	33.715.100.000	(32.311.340.000)	(1.201.180.000)	67.430.200.000	
	<u>8.161.089.248.187</u>	<u>4.678.877.095.255</u>	<u>(6.647.135.271.477)</u>	<u>544.327.116</u>	<u>6.193.375.399.081</u>	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Khoản vay	Loại tiền	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay được đảm bảo			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”)– Hội sở (a)			
Khoản vay 1	USD	1.723.497.522.119	1.366.643.484.671
Các khoản vay không được đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			
Khoản vay 2	VND	1.340.019.259.202	2.398.451.410.411
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
Khoản vay 3	VND	179.965.593.342	899.694.699.335
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 4	VND	321.213.653.192	498.769.230.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội			
Khoản vay 5	VND	765.604.021.123	291.680.216.686
Ngân hàng BNP Paribas			
Khoản vay 6	VND	209.252.979.812	54.799.909.203
Ngân hàng Maritime Bank			
Khoản vay 7	USD	284.679.443.497	268.808.055.678
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam			
Khoản vay 8	VND	624.343.626.257	950.427.034.104
Ngân hàng TNHH Citibank Việt Nam			
Khoản vay 9	VND	-	483.399.422.787
Ngân hàng JP Morgan Chase Singapore			
Khoản vay 10	USD	28.363.212.466	134.342.641.635
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam- Techcombank			
Khoản vay 11	VND	-	77.771.609.445
Ngân hàng United Overseas Bank			
Khoản vay 12	VND	-	51.529.456.152
Ngân hàng Wooribank Việt Nam			
Khoản vay 13	VND	649.005.888.071	617.544.457.880
		6.125.945.199.081	8.093.861.628.187

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Vay dài hạn

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	3.104.814.099.899	3.129.100.142.217
Trái phiếu thường (ii)	600.000.000.000	600.000.000.000
	3.704.814.099.899	3.729.100.142.217
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(67.430.200.000)	(67.227.620.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.637.383.899.899	3.661.872.522.217

(i) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/06/2020	1/1/2020
			VND	VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Việt Nam	USD	2028	541.814.099.899	573.800.142.217

Số dư nợ gốc vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 này được hoàn trả trong 24 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.4 triệu USD và kỳ cuối cùng trả 1.5 triệu USD vào ngày 13 tháng 6 năm 2028. Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Máy bay số hiệu A320 MSN 7167. VNA675 (Thuyết minh 9)	714.307.214.969	734.165.754.457

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/06/2020	1/1/2020
			VND	VND
Khoản vay hợp vốn từ Ngân hàng Wooribank Việt Nam	USD	2021	2.563.000.000.000	2.555.300.000.000

(ii) Phát hành trái phiếu bằng Đồng Việt Nam không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, phát hành riêng lẻ theo qui định tại Nghị định 163/18/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04 tháng 12 năm 2018. Lãi trái phiếu sẽ được thanh toán sau, trong đó các lãi thanh toán sẽ được thanh toán sau mỗi 6 tháng. Tên trái phiếu: BONDVJC/2019.01. Số lượng phát hành: 6.000.000. Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu. Giá phát hành: 100% mệnh giá. Tổng giá trị phát hành: 600.000.000.000 VND. Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành. Ngày phát hành: 26/07/2019

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	11.735.385.118.489	948.853.047.893	12.684.238.166.382 ✓
Dự phòng lập trong kỳ	1.157.654.249.383	39.290.713.270	1.196.944.962.653
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	-	-
Dự phòng xóa sổ trong kỳ	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.416.412.213	38.717.670.838	66.134.083.051
Số dư cuối kỳ	12.920.455.780.085	1.026.861.432.001	13.947.317.212.086
Ngắn hạn	2.174.991.310.826	-	2.174.991.310.826 ✓
Dài hạn	10.745.464.469.259	1.026.861.432.001	11.772.325.901.260 ✓

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Dự phòng	2.789.463.442.417	2.536.847.633.276
Chi phí phải trả ngắn hạn	36.214.334.274	38.065.045.146
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.825.677.776.691	2.574.912.678.422
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(1.377.489.666.324)	(1.274.612.852.666)
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê	(1.806.576.408.996)	(1.694.744.765.726)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(17.090.528.213)	-
	<hr/>	<hr/>
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.201.156.603.533)	(2.969.357.618.392)
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(375.478.826.842)	(394.444.939.970)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quý kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	5.416.113.340.000	245.949.492.805	-	119.103.575.688	8.255.509.576.829	1.827.251.260	14.038.503.236.582
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.347.121.362.620)	-	-	-	(2.347.121.362.620)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(541.611.334.000)	-	(541.611.334.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.806.761.193.483	583.933.611	3.807.345.127.094
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	(54.283.836.995)	-	-	(54.283.836.995)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	5.416.113.340.000	245.949.492.805	(2.347.121.362.620)	64.819.738.693	11.520.659.436.312	2.411.184.871	14.902.831.830.061
Phát hành cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	73.149.238.718	505.653.294	73.654.892.012
Cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-
Tặng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	-	16.459.357.166	-	-	16.459.357.166
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5.416.113.340.000	245.949.492.805	(2.347.121.362.620)	81.279.095.859	11.593.808.675.030	2.916.838.165	14.992.946.079.239

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất quý

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Số cổ phiếu	
	30/06/2020	01/01/2020
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ 43hong	541.611.334	541.611.334
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	541.611.334
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	17.772.740	17.772.740
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	523.838.594 ✓	523.838.594 ✓

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Cổ tức

Ngày 09 tháng 01 năm 2018. Hội đồng Quản trị công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017 với số tiền là 451.343 triệu đồng (1.000 VND mỗi cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu ngày đăng ký cuối cùng là 23 tháng 04 năm 2018 và thanh toán ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Ngày 23 tháng 04 năm 2018. Hội đồng Quản trị công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2017 với số tiền là 451.343 triệu đồng (1.000 VND mỗi cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu ngày đăng ký cuối cùng là 10 tháng 05 năm 2018 và thanh toán ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Ngày 26 tháng 04 năm 2018. Đại hội Đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt 44hơn vốn cổ phần từ 4.513 tỷ lên 5.416 tỷ VND 44hơn qua việc phát hành cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ 20 cổ phiếu trên 100 cổ phiếu hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối. Vào ngày 4 tháng 7 năm 2018, việc phát hành đã hoàn tất.

Ngày 16 tháng 08 năm 2018. Hội đồng Quản trị công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 với số tiền là 1.083.222 triệu đồng (2.000 VND mỗi cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu ngày đăng ký cuối cùng là 06 tháng 09 năm 2018 và thanh toán ngày 19 tháng 09 năm 2018.

Ngày 08 tháng 04 năm 2019. Hội đồng Quản trị công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 với số tiền là 5.416 triệu đồng (1.000 VND mỗi cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu ngày đăng ký cuối cùng là 24 tháng 04 năm 2019 và thanh toán ngày 10 tháng 05 năm 2019.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020. Đại Hội đồng cổ đông thường niên thông qua BB/01-20/VJC-ĐHCĐ-BB về việc chấp nhận tờ trình 06-20/VJC-HĐQT-TT ngày 16/6/2020 về việc chi trả cổ tức năm 2018 và 2019 bằng cổ phiếu với tỉ lệ 50%.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Vận chuyển hành khách	556.656.818.388	6.307.821.893.426
Doanh thu hoạt động phụ trợ	933.303.237.421	2.811.632.940.060
Doanh thu từ chuyển giao quyền sở hữu và thương mại tàu bay	3.168.940.000.000	2.696.087.459.953
Doanh thu khác	310.917.096.196	848.695.593.719
	4.969.817.152.005	12.664.237.887.158

26. Giá vốn hàng bán

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Chi phí khối khai thác bay	3.680.178.052.380	8.546.764.948.904
Chi phí khấu hao và phân bổ	234.867.048.439	266.760.617.905
Giá vốn của chuyển quyền sở hữu máy bay	1.163.305.660.842	2.644.059.776.712
Chi phí khác	391.566.743	944.029.333
	5.078.742.328.404	11.458.529.372.854

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	10.348.554.797	123.621.590.300
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	147.810.202.624	1.709.731.255
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	398.421.770.601	-
Cổ tức	-	2.832.636.000
Thu nhập tài chính khác	597.799.779.125	13.943.739.025
Thu nhập tài chính	19.844.300.545	-
	1.174.224.607.692	142.107.696.580

28. Chi phí tài chính

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	-	40.220.144.629
Chi phí lãi vay	110.489.580.615	82.193.565.771
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(690.000.000.000)	97.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.619.652.302	42.624.250.045
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	709.865.014.560	-
	143.803.565.339	262.037.960.445

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Chi phí bán hàng	81.768.922.276	134.752.135.070
Chi phí tiếp thị	64.089.276.976	101.177.377.536
Chi phí nhân viên	14.625.358.832	24.564.982.699
Chi phí khấu hao và phân bổ	173.365.383	212.030.655
Chi phí khác	9.709.272.165	21.602.991.995
	170.366.195.632	282.309.517.955

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Chi phí nhân viên	39.568.429.107	33.347.722.625
Chi phí thuê	10.206.629.223	6.537.609.124
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.617.560.666	2.121.458.916
Chi phí bảo hiểm	237.390.910	71.449.909
Chi phí khác	25.831.257.288	113.953.630
	85.461.267.194	42.192.194.204

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.368.316.325	86.065.356.799
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(42.643.892.210)	42.569.295.112
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.275.575.885)	128.634.651.911

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 523.838.594 cổ phiếu (kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019: 541.611.334 cổ phiếu). Chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.062.540.101.024	621.819.952.497

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	Quý 2.2020 VND	Quý 2.2019 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	523.838.594	541.611.334
Ảnh hưởng mua lại cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	523.838.594	541.611.334

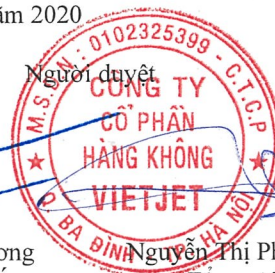
Ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập

Hoàng Mạnh Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hồ Ngọc Yên Phương
Phó tổng giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng giám đốc